

Nhà thơ Lý Tử Tấn

Lý Tử Tấn (sau đổi là Nguyễn Tử Tấn) hiệu Chuyết Am, sinh năm 1378, quê ở làng Triều Đông, huyện Thượng Phúc (nay thuộc xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây). Ông thi đỗ Thái học sinh năm 1400, cùng khoa với Nguyễn Trãi, dưới triều Hồ Quý Ly, nhưng không ra làm quan.

Sau khi Lê Lợi khởi nghĩa chống Minh, Lý Tử Tấn đã theo Lê Lợi và được giao giữ chức Văn cáo, tức là làm nhiệm vụ thảo công văn, giấy tờ, thư tín...

Cuộc kháng chiến chống Minh kết thúc thắng lợi, vương triều Lê ra đời, Lý Tử Tấn lại có mặt trong công cuộc xây dựng vương triều mới. Ông làm quan tới chức Nhập nội hành khiển tri tam quán kiêm Nhập thị kinh diên, trải 3 đời vua: Lê Thái Tổ (1428 - 1433), Lê Thái Tông (1434 - 1442), Lê Nhân Tông (1443 - 1459). Lý Tử Tấn mất năm nào chưa rõ. Căn cứ vào bài tựa sách Việt âm thi tập, Lý Tử Tấn viết năm 1459, có thể suy đoán ông mất phải sau năm ấy, tức là ông thọ hơn 80 tuổi.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, tên tuổi Lý Tử Tấn gắn liền với bài Phú Xương Giang, ông viết để ca ngợi chiến công ngày 3-11-1427 của nghĩa quân Lam Sơn đã tiêu diệt 7 vạn quân Minh và bắt sống mấy trăm tướng lĩnh của giặc tại Xương Giang trong đó có Thôi Tụ, Hoàng Phúc. Qua bài Phú Xương Giang người đọc không chỉ thấy ở Lý Tử Tấn một trái tim yêu nước thiết tha, một tinh thần tự hào dân tộc mà còn có một tư tưởng chính trị sâu sắc khi ông nói về sự thành bại trong việc giữ nước.

Theo ông, muốn giữ vững nước, không cốt ở núi sông hiểm yếu, không cốt ở binh hùng tướng mạnh, điều căn bản là phải có con người, có chính nghĩa:

Có đức công mới lớn
Có người đất mới linh
Giữ nước không cốt ở hiểm yếu
Giữ dân không cốt ở hùng binh.

Sở trường văn học của Lý Tử Tấn là làm phú. Bên cạnh Phú Xương Giang, ông còn có hơn 20 bài phú khác, trong đó Chí Linh sơn phú, Triều tinh phú, Quân chu phú, Hội anh diện phú... là những bài có giá trị cao về nội dung và nghệ thuật, phản ánh tình cảm nồng thắm đối với đất nước, lòng lo nước, thương đời của Lý Tử Tấn. Di sản phú của Lý Tử Tấn để lại được chép trong Hoàng Việt văn tuyển và Quần hiền phú tập.

Lý Tử Tấn sáng tác khá nhiều thơ nhưng thất lạc cũng nhiều, hiện chỉ còn hơn 70 bài nằm rải rác ở các sách Việt âm thi tập, Tinh tuyển chư gia luật thi, Toàn Việt thi lục, Hoàng Việt thi tuyển.

Lý Tử Tấn làm thơ trên quan điểm thi pháp của mình. Ông từng nói: 'Tôi cho rằng phép làm thơ khó lắm thay! Thơ luật chỉ có 56 chữ, thơ tuyệt cú lại chỉ có 28 chữ, mà đủ mọi thể cách. Muốn thơ cổ kính, thanh đạm thì lại gần với thô; muốn đẹp đẽ, phong phú thì lại gần sự lòe loẹt; hào phóng thì dễ buông thả, thật thà thì dễ quê mùa. Cho nên lời ý giản dị đầy đủ, mạch lạc thông suốt, chất phác mà vẫn nhã, mới lạ mà không trúc trắc, trung hậu nhưng không thô kệch, cao siêu mà vẫn ôn hòa, đó là những điều rất khó có thể đạt được' (Tựa sách Việt âm thi tập). Nhận xét về thơ Lý Tử Tấn, Phan Huy Chú viết: 'Thơ ông chuông giản dị, phần nhiều có ý thơ cổ'. Đọc thơ Lý Tử Tấn, chúng ta bắt gặp một tâm hồn thanh thản, ung dung, cao khiết, gặp một thiên nhiên trong mát với những hương vị của hoa trái, của đồng, của trời, nước, nắng gió hiền hòa; tất cả, chỉ có thể tìm thấy trong thế giới tinh thần tĩnh tại á Đông xưa:

Năng hờ êm dịu xẽ tường vôi,
Mềm mại chồi sen quạt gió trời.
Sắc lẫn màu thu trời rợn bóng,
ánh lồng vể núi nước trong ngời.
Cua vàng gạch óng vào đặng sớm,
Phật thủ da xanh nở múi rồi,
Bình sẵn rượu ngon vui cứ uống,
Đợi gì giậu cúc nhị vàng phơi.

(Đầu thu - Bản dịch Hoàng Việt thi văn tuyển).

Là một trí thức yêu nước, một nhà văn hóa, nhà thơ học vấn rộng khắp, Lý Tử Tấn xứng đáng được hậu thế trân trọng ghi nhớ.